

Số : 08 /2018/NTW-CBTT

Nhon Trạch, Ngày 10 tháng 09 năm 2018

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 08/2018

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 40 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 40 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu, đường số 2 huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước + Đường số 2	20	20	20	0	20	0	0
Cộng		20	20	20	0	20	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- **Kết luận:** Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

Trân trọng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lương Thắng

Số: 2119 / KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02119.18

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/08/2018
Ngày trả kết quả : 16/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,18	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,70 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	5,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	10,84 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	6,60 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,28 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2118 / KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02118.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/08/2018
Ngày trả kết quả : 16/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp Câu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,54	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,19 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	4,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	14,35 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	11,29 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,23 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P- TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Trần Minh Hòa

Số: 2117 / KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02117.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/08/2018
Ngày trả kết quả : 16/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,13	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,54 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	4,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	10,99 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	5,04 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2116 /KQxN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02116.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 02/08/2018
Ngày trả kết quả : 16/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm đường số 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,00	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,49 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	4,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	1,48 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	9,55 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2201 / KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02201.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 09/08/2018
Ngày trả kết quả : 23/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đường 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,78	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,38 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	5,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,60 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	10,94 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,59 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2202/KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02202.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 09/08/2018
Ngày trả kết quả : 23/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trại Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,25	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,44 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	5,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,80 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	7,98 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	12,68 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,43 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2203 / KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02203.18

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 09/08/2018
Ngày trả kết quả : 23/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Hộ 348 ấp Cầu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,06	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,88 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	7,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,88 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	14,07 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,67 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2204 /K&XN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02204.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 09/08/2018
Ngày trả kết quả : 23/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,97	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,78 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	7,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,80 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	11,11 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	11,64 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,75 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2355/KQ.XN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02355.18

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/08/2018
Ngày trả kết quả : 30/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm đường 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,99	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,33 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	3,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	1,89 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	3,65 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

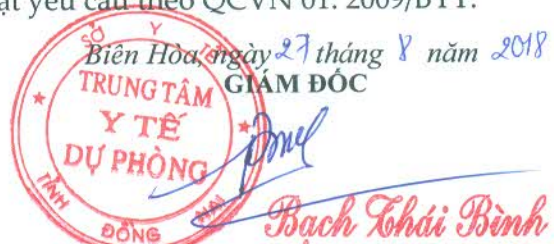
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Bạch Thái Bình

Số: 2356/KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02356.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/08/2018
Ngày trả kết quả : 30/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,45	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,31 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	6,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,80 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	14,43 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	7,30 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

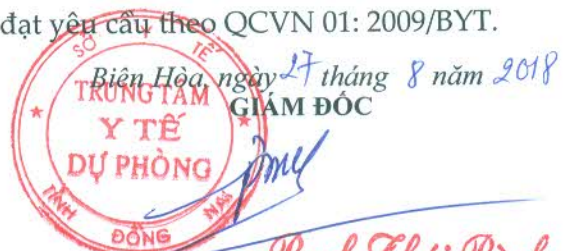
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Bạch Hải Bình

Số: 2357/KAXIV

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02357.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml
Ngày nhận mẫu : 16/08/2018
Ngày trả kết quả : 30/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,59	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,54 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	6,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	17,44 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	6,95 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

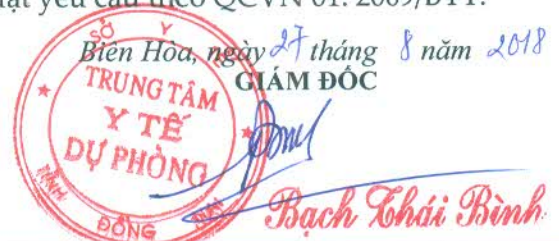
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2358 /KAXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02358.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000 + 200ml
Ngày nhận mẫu : 16/08/2018
Ngày trả kết quả : 30/08/2018
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp Câu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,59	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,26 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	6,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	15,56 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	8,86 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

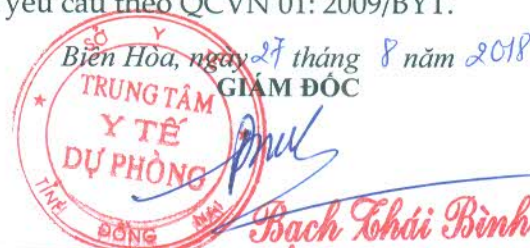
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2465/KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02465.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 23/08/2018
Ngày trả kết quả : 07/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đường Số 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,08	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,13 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	17,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,80 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,13 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	4,69 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,31 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2466/KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02466.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phân Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 23/08/2018
Ngày trả kết quả : 07/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,59	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,46 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	32,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	6,19 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	9,90 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,26 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2467/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02467.18

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 23/08/2018
Ngày trả kết quả : 07/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,70	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,48 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	32,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	6,38 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	10,25 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,29 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2468/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02468.18

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 23/08/2018
Ngày trả kết quả : 07/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : 348, ấp Cầu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,69	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,41 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	11,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	8,56 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	9,55 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,50 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

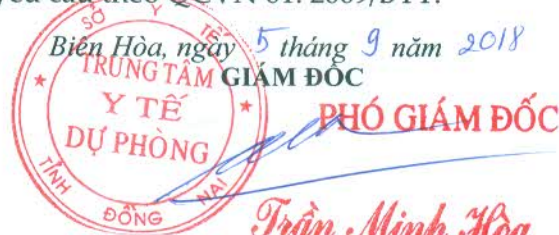
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2529/KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02529.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 30/08/2018
Ngày trả kết quả : 13/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : Đường Số 2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,24	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,93 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	4,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	1,44 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	4,65 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	4,86 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,81 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

Biên Hòa, ngày 11 tháng 9 năm 2018
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Minh Hòa

Số: 2528 / KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02528.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 30/08/2018
Ngày trả kết quả : 13/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : UBND xã Phú Hữu

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,27	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,95 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	4,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	1,28 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	5,74 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	4,86 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	3,60 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

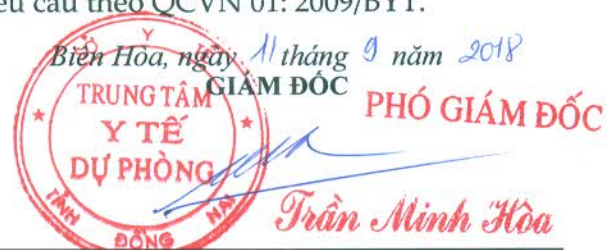
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo OCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2527/KQXN



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02527.18

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 30/08/2018
Ngày trả kết quả : 13/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : Hộ 348 ấp Cầu Kê

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,39	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,38 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	40,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	1,12 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	13,07 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	5,56 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	48,40 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

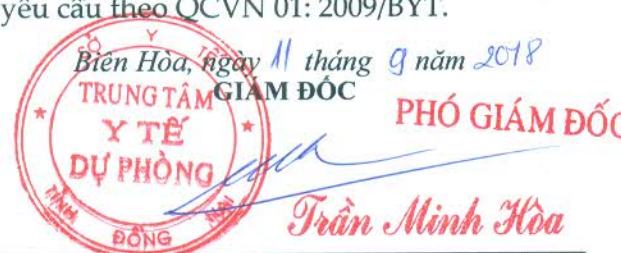
(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 2526/KQXN

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02526.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : Nước máy
Lượng mẫu : 1000ml+200ml
Ngày nhận mẫu : 30/08/2018
Ngày trả kết quả : 13/09/2018
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,97	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,86 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	11,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,96 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	17,97 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	5,56 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	2,04 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Minh Hòa